

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07 /NQ-HĐND

Lục Ngạn, ngày 23 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Ngạn,
tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD);

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy Bắc Giang về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000;

Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 20/3/2023 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000.

2. Vị trí, phạm vi

- Phía Bắc: Giáp tỉnh Lạng Sơn;
- Phía Nam: Giáp huyện Lục Nam, Sơn Động tỉnh Bắc Giang;
- Phía Đông: Giáp huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang;
- Phía Tây: giáp tỉnh Lạng Sơn và thị xã Chũ (trương lai), tỉnh Bắc Giang.

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới 19 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Lục Ngạn hiện nay, gồm: Giáp Sơn, Phì Điền, Đồng Cốc, Phú Nhuận, Đèo Gia, Biên Động, Tân Hoa, Kim Sơn, Biên Sơn, Hộ Đáp, Cẩm Sơn, Tân Sơn, Tân Quang, Tân Lập, Phong Minh, Phong Vân, Sa Lý, Sơn Hải, Tân Mộc, một phần diện tích xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn (thôn Khuôn Rễo) và một phần diện tích của xã Phúc Sơn, huyện Sơn Động (thuộc Trường bản Quốc gia KV1).

3. Quy mô

a) Dân số:

- Dân số hiện trạng: Khoảng 113.892 người.
- Dự báo quy mô dân số đến năm 2040: Khoảng 172.000 người.

b) Diện tích:

Quy mô diện tích: 856,9 km²; trong đó:

- Tổng diện tích tự nhiên của 19 xã và thôn Khuôn Rễo (xã Thanh Hải) thuộc huyện Lục Ngạn: Khoảng 632,31 km².

- Diện tích Trường bản QGTB1, phần thuộc huyện Lục Ngạn: Khoảng 149,09 km².

- Diện tích Trường bản QGTB1, phần thuộc xã Phúc Sơn, huyện Sơn Động: Khoảng 75,5 km².

4. Tính chất

- Là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội, khoa học và kỹ thuật, giáo dục đào tạo vùng phía Đông của tỉnh.

- Trung tâm du lịch, dịch vụ du lịch sinh thái, văn hóa lễ hội.

- Là vùng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với các ngành nghề chủ đạo và thế mạnh của huyện: Sản phẩm nông lâm nghiệp, vật liệu xây dựng, dệt may, tiêu dùng....

- Là vùng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lâm nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm sản, chăn nuôi...

- Là vùng phát triển kinh tế - xã hội gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

5. Các định hướng phát triển:

- Tầm nhìn phát triển: Lục Ngạn, vùng không gian lãnh thổ với hệ sinh thái phát triển bền vững: Kinh tế xanh, môi trường xanh, cộng đồng xanh.

- Chiến lược phát triển:

+ Chiến lược 1: Kiến thiết các thiết chế quản lý.

+ Chiến lược 2: Hình thành động lực vùng.

+ Chiến lược 3: Hoàn thiện, tăng cường kết nối.

+ Chiến lược 4: Duy trì, nâng cao giá trị vùng nguyên liệu.

+ Chiến lược 5: Bảo tồn, phát huy giá trị sinh thái và văn hóa bản địa.

6. Các định hướng phát triển không gian

6.1. Mô hình phát triển

Lựa chọn mô hình Phân tán – Tầng bậc là mô hình phát triển cho vùng huyện Lục Ngạn.

6.2. Phân vùng kiểm soát phát triển

Không gian huyện Lục Ngạn được phân thành 04 vùng:

- Phân vùng 1 (Phân vùng động lực tổng hợp): Phạm vi: Dọc theo QL31 từ Tây sang Đông, bao gồm 08 đơn vị hành chính: Phi Điền, Giáp Sơn, Tân Quang, Đồng Cốc, Tân Hoa, Biên Động, Kim Sơn, Phú Nhuận. Phân vùng phát triển đô thị, hình thành trung tâm tổng hợp hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ đô thị.

- Phân vùng 2 (Phân vùng trung tâm sinh thái, cộng đồng): Phạm vi: phía Bắc huyện Lục Ngạn, bao gồm 08 đơn vị hành chính: Tân Sơn, Cẩm Sơn, Sơn Hải, Hộ Đáp, Biên Sơn, Phong Vân, Phong Minh, Sa Lý. Phân vùng phát triển đô thị, các chức năng dịch vụ sinh thái gắn với cảnh quan hồ Cẩm Sơn, phát triển du lịch, dịch vụ cộng đồng, sản xuất nông lâm sản

- Phân vùng 3 (Phân vùng sản xuất nông lâm sản chất lượng cao): Phạm vi: Phía Nam sông Lục Nam, bao gồm 03 đơn vị hành chính: Tân Lập, Tân Mộc, Đèo Gia. Phân vùng phát triển vùng trồng trọt, sản xuất nông lâm sản chất lượng cao. Hình thành các dịch vụ sinh thái gắn với sông Lục Nam.

- Phân vùng 4 (Phân vùng quân sự): Phạm vi: Gồm toàn bộ ranh giới Trường bắn Quốc gia TB1, thuộc huyện Lục Ngạn và xã Phúc Sơn của huyện Sơn Động. Các chức năng và hoạt động trong phân vùng chịu sự quản lý của Bộ Quốc phòng.

6.3. Định hướng không gian kinh tế

Không gian phát triển kinh tế vùng huyện Lục Ngạn dựa trên khung gồm:

- 04 Cực tăng trưởng: Phi Điền, Biển Động, Tân Sơn - Phong Vân, Tân Mộc.

- 04 Trục động lực kinh tế: Trục động lực dọc QL31; Trục động lực dọc theo ĐT.290 – ĐT.248 (Chũ – Biên Sơn - Phong Vân - Phong Minh - Sa Lý); Trục động lực dọc theo ĐT291B (Chũ - Tân Lập - Đèo Gia; Trục động lực dọc QL.279 (Tân Hoa - Phong Vân - Tân Sơn).

- 04 Hành lang phụ trợ: Hành lang ĐT.289 và ĐT.289C; Hành lang ĐT.290B; Hành lang ĐH.88; Hành lang ĐH.84.

a) Định hướng phát triển không gian công nghiệp, TTCN:

- Không gian phát triển công nghiệp vùng huyện Lục Ngạn chủ yếu dọc theo các trục động lực và các hành lang hỗ trợ phát triển kinh tế: QL.31, QL.279, ĐT.289, ĐT.289C, ĐT.291B, ĐT.290, ĐT.248, ĐH.84, ĐH.88.

- Bố trí các điểm Công nghiệp, quy mô từ 5-10 ha tại: Điểm công nghiệp Lim (Giáp Sơn): 10 ha; Cái Cạn 2 (Hộ Đáp): 5 ha; Thôn Cả (Phong Minh): 10 ha; Dọc Đình (Biên Sơn): 5 ha; Ao Nhân (Tân Hoa): 6 ha; Thượng A (Đồng Cốc): 5 ha; Đồng Đèo (Kim Sơn): 7 ha; Mòng A (Tân Sơn): 10 ha; Cầu Sắt (Sơn Hải): 10 ha; Xé (Sa Lý): 5 ha; Hợp Thành (Phú Nhuận): 5ha; Thôn Bền (Cầm Sơn): 5ha; Nhà máy sản xuất hoa quả Tân Hoa: 03 ha.

- Bố trí 06 CCN gồm: CCN Tân Quang, quy mô 15 ha; CCN Biển Động, quy mô 50 ha; CCN Phong Vân, quy mô 15 ha; CCN Đèo Gia, quy mô 20 ha; CCN Tân Lập, quy mô 15 ha; CCN Tân Mộc, quy mô 15 ha.

b) Định hướng phát triển không gian thương mại, dịch vụ:

- Không gian phát triển Thương mại dịch vụ chủ yếu dọc theo các trục tăng trưởng và các hành lang hỗ trợ phát triển kinh tế: QL.31, QL.279, ĐT.289, ĐT.289C, ĐT.291B, ĐT.290, ĐT.248, ĐH.84, ĐH.88.

- Hệ thống thương mại dịch vụ vùng huyện gồm các chợ đô thị, nông thôn (truyền thống), các chợ đầu mối và các trung tâm thương mại. Các đơn vị hành chính được bố trí chợ đô thị hoặc nông thôn (tùy điều kiện hiệu quả thực tế, một số xã có thể không bố trí chợ nông thôn như Sa Lý, Kim Sơn, mà tận dụng hệ thống các dịch vụ thương mại sẵn có tại địa phương). Tổ chức các trung tâm thương mại tại các điểm đô thị: Phi Điền, Biển Động, Tân Sơn, Tân Mộc.

c) Định hướng phát triển không gian du lịch:

Du lịch sinh thái gắn với cảnh quan tự nhiên các hồ; Du lịch cộng đồng gắn với văn hóa, lễ hội các sắc tộc khác nhau trên địa bàn và hệ thống các di tích. Đặc biệt là khu vực bản Bắc Hoa (Tân Sơn) và 08 di tích cấp tỉnh trên địa bàn huyện. Quy hoạch không gian du lịch sinh thái nông nghiệp, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí dọc sông Lục Nam. Xây dựng các điểm du lịch sinh thái, kết hợp làng nghề truyền thống, du lịch vườn đồi tại các xã Tân Sơn, Giáp Sơn, Biên Sơn Tân Quang, Đồng Cốc, Kim Sơn, Biển Động, Tân Mộc. Tổ chức các hình thức du lịch khám phá, trải nghiệm dưới tán rừng, du lịch khám phá, trải nghiệm tại các xã Tân Sơn, Cầm Sơn, Sơn Hải, Hộ Đáp, Phong Minh, Sa Lý, Tân Mộc, Tân Lập, Đèo Gia. Hình thành trung tâm du lịch, các điểm du lịch

cộng đồng phục vụ công tác bảo tồn và phát huy giá trị làng cổ Bắc Hoa, Tân Sơn. Trung tâm du lịch tại Phi Điền, đầu mối du lịch toàn vùng huyện. Trung tâm du lịch tại Biển Động, phát triển du lịch sinh thái cộng đồng, lễ hội, di sản gắn với di tích cấp tỉnh Đình, đền, chùa Biển Động.

d) Định hướng phát triển không gian nông lâm nghiệp:

- Xác định các vùng sản xuất trồng trọt tập trung: Gồm 17 vùng trồng vải tập trung; 01 vùng bưởi tập trung; 03 vùng trồng Cam tập trung; 09 vùng trồng nhãn tập trung; 11 vùng trồng táo tập trung.

- Quy hoạch 02 khu chăn nuôi tập trung vật nuôi đặc sản, giá trị hàng hóa cao.

- Bố trí các khu vực tập trung phát triển không gian che phủ rừng tại Vùng đầu nguồn các hồ lớn Đông Bắc tỉnh (Khu vực vành đai rừng Đông Bắc tỉnh thuộc huyện Lục Ngạn). Mở rộng tăng độ che phủ rừng tập trung đầu nguồn hồ Cẩm Sơn, khu vực phía Bắc huyện Lục Ngạn tại các xã Sa Lý, Phong Minh, Tân Sơn, Hộ Đáp, Sơn Hải, Cẩm Sơn, Phong Vân.

- Duy trì, bảo vệ phát triển rừng phòng hộ. Quy hoạch 04 vùng sản xuất rừng tập trung gồm 23 đơn vị hành chính liên vùng huyện (gồm cả huyện Lục Ngạn và thị xã Chũ, tương lai).

6.4. Định hướng phát triển không gian hệ thống hạ tầng xã hội

a) Hệ thống hạ tầng quản trị hành chính:

- Cấp huyện: Quy hoạch mới trung tâm chính trị, hành chính huyện Lục Ngạn tại thị trấn Phi Điền; Xây dựng mới các công trình phục vụ công tác an ninh, quốc phòng; Xây dựng mới các công trình quản trị cấp huyện mạng lưới hệ thống hạ tầng kỹ thuật: giao thông, điện, nước ...

- Cấp thị trấn, xã: Cải tạo, mở rộng các UBND xã hiện trạng Quy hoạch, xây dựng mới các công trình UBND, Hội đồng nhân dân, Đảng ủy ... cho các đô thị mới hình thành trong tương lai.

b) Hệ thống hạ tầng giáo dục:

- Duy trì trường quy mô 01 Trường THPT, cụ thể: THPT Lục Ngạn 2 (xã Tân Hoa); Mở rộng trường THPT Lục Ngạn 4 (Tân Sơn); Duy trì, mở rộng (nếu cần thiết) các khối trường mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.

- Quy hoạch mới: Vị trí, quy mô diện tích các trường sẽ được tính toán cụ thể trong giai đoạn lập QHXD nông thôn mới hoặc QHĐT các thị trấn. Trong đó, gồm một số công trình cơ bản như: Trường cao đẳng nghề huyện Lục Ngạn tại xã Giáp Sơn; Trường THPT Lục Ngạn 6, tại xã Giáp Sơn; Trường THPT tại thị trấn Tân Mộc (giai đoạn 2030 - 2040).

c) Hệ thống hạ tầng y tế:

Quy hoạch xây dựng mới Trung tâm y tế huyện tại thị trấn Phi Điền (cơ sở chính). Xây dựng trung tâm y tế huyện (cơ sở 2) tại thị trấn Tân Sơn; Xây dựng mới cơ sở vật chất cho các Trạm y tế xã, thị trấn còn lại như: Cẩm Sơn, Tân Quang, Tân Mộc, Sơn Hải,...; Xây dựng kiên cố tất cả các Trạm Y tế xã, thị trấn trên địa bàn.

d) Văn hóa, thể thao:

Cấp huyện: Xây dựng mới khu trung tâm văn hóa, hội nghị cấp huyện (quảng trường, nhà trưng bày, triển lãm, rạp chiếu phim, khu vui chơi), phục vụ việc tổ chức hội nghị, các sự kiện lớn, vui chơi giải trí...; quy hoạch khu Liên hợp thể thao của huyện (sân vận động, nhà thi đấu đa năng, bể bơi) đáp ứng nhu cầu hoạt động TDTT, đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao; quy hoạch khu công viên cây xanh cấp huyện, đô thị; quy hoạch xây dựng Trung tâm Văn hóa TT&TT huyện; Xây dựng mới Thư viện huyện; Phát triển các Trung tâm Văn hoá- Thông tin, nhà sinh hoạt văn hoá, nhà sinh hoạt cộng đồng.

Cấp xã (thị trấn): Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các nhà văn hoá xã, nhà văn hoá thôn, tổ dân phố đạt chuẩn theo quy định của Bộ VH,TT&DL; xây dựng nhà trưng bày và sinh hoạt cộng đồng thôn Bắc Hoa, Tân Sơn; Xây mới các nhà thi đấu tại các đô thị và 02 nhà thi đấu tại các xã Giáp Sơn, Đèo Gia; cải tạo, xây mới các sân vận động tại các đô thị và 03 sân vận động các xã Giáp Sơn, Đèo Gia, Phong Vân; bố trí quỹ đất TDTT để đảm bảo các đơn vị hành chính cấp xã có đủ đất xây dựng 01 sân thể thao tổng hợp với diện tích từ 6.000 - 7.000 m²; trung tâm TDTT đô thị đảm bảo các tiêu chí đô thị loại V hoặc IV (tùy từng giai đoạn phát triển đô thị).

** Các công trình di tích:*

Bảo tồn và phát huy giá trị các công trình di tích cấp tỉnh trên địa bàn huyện; Lập hồ sơ đề nghị xếp hạng 02 di tích cấp tỉnh: Đình Luông (Biên Sơn); Đình Đoàn Kết (Tân Quang); bảo tồn các giá trị văn hoá: Nâng cấp hội hát Tân Sơn và phiên chợ xuân vùng cao thành Lễ hội văn hoá cấp vùng; Lập hồ sơ đề nghị Bộ VH,TT&DL công nhận hát Sloong hao (Dân tộc Nùng), hát Soọng cô (Dân tộc Sán Dìu) Lục Ngạn là di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia; bảo tồn nhà cổ thôn Bắc Hoa, Tân Sơn gắn kết với phát triển văn hoá, du lịch; bảo tồn và phục dựng mộ số lễ hội truyền thống của các dân tộc trong vùng; xác định 01 điểm quy hoạch khảo cổ học: Chùa Khả Lã, xã Tân Lập 300 m².

6.5. Định hướng không gian phát triển đô thị và nông thôn

a) Đô thị:

- Huyện Lục Ngạn hình thành 04 đô thị mới gồm Phi Điền, Biên Động, Tân Sơn, Tân Mộc.

- Giai đoạn 2030: Hoàn thành nâng cấp xã Biên Động thành thị trấn Biên Động, đô thị loại V. (Năm 2025: thành lập, thị trấn Biên Động đã được công nhận là đô thị loại V. Hoàn thành nâng cấp đô thị, Biên Động vào năm 2024). Hoàn thành nâng cấp xã Phi Điền thành thị trấn Phi Điền, đô thị loại V. (Sau năm 2025 thành lập thị trấn Phi Điền trên cơ sở khu vực quy hoạch chung thị trấn Phi Điền đã được UBND tỉnh phê duyệt).

- Đến năm 2040: Tân Sơn được công nhận là đô thị loại V. (Hoàn thành nâng cấp xã Tân Sơn thành thị trấn Tân Sơn, đô thị loại V vào năm 2035). Tân Mộc được công nhận là đô thị loại V.

b) Nông thôn:

- Mô hình xã nông thôn đồng bằng: Hình thành các khu trung tâm xã (UBND, trung tâm thương mại, trường học, trung tâm công viên, TDTT, y tế,

văn hóa...), cụm thôn, cụm dân cư tập trung theo các hệ thống giao thông. Tăng cường các tuyến không gian liên kết không gian đồng bằng dọc QL31 với khu vực trung du gò đồi. Các khu vực dân cư tập trung theo làng, cụm thôn. Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp, vùng chăn nuôi, định hướng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp...

- Mô hình xã nông thôn vùng đồi núi và trung du: Động lực phát triển và ngành nghề chính là kinh tế vườn đồi, đặc biệt là các loại cây ăn quả, rừng sản xuất... Không gian quy hoạch kết hợp giữa phát triển tập trung với phân tán; các khu vực dân cư tập trung theo tuyến, cụm. Xây dựng các cụm trung tâm công cộng, dịch vụ (trụ sở, trường học, nhà văn hóa, TDTT, trạm y tế, chợ, bưu điện...), kết nối với các không gian ở và không gian sản xuất nông lâm nghiệp. Quy hoạch các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp gắn với hệ thống các công trình phục vụ sản xuất, khu bảo quản sau thu hoạch và chế biến, khu tiếp thị giới thiệu sản phẩm, trạm khuyến nông... Xây dựng hệ thống hạ tầng nông thôn đồng bộ theo các tiêu chí nông thôn mới.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Định hướng phát triển giao thông

a) Giao thông đường bộ:

- *Quốc lộ:* Nâng cấp, cải tạo tuyến QL.31 đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, tuyến đi qua khu vực phát triển đô thị nâng cấp cải tạo theo tiêu chuẩn đường đô thị (quy mô 4 làn xe). Nâng cấp, cải tạo tuyến QL.279 đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, tuyến đi qua khu vực phát triển đô thị nâng cấp cải tạo theo tiêu chuẩn đường đô thị.

- *Đường tỉnh:* Giữ nguyên 4 tuyến đường tỉnh hiện có (ĐT.248, ĐT.289, ĐT.290, ĐT.289C) đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi. Quy hoạch các tuyến đường huyện hiện có thành đường tỉnh (ĐT.289C, ĐT.291B): Đường tỉnh 291B (ĐT.291B): tuyến được nâng cấp từ đường ĐH.81 (Nam Dương - Đèo Gia) thành đường tỉnh, chiều dài qua huyện khoảng 23km. Nâng cấp cải tạo đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi. Quy hoạch mở mới tuyến đường tỉnh ĐT.290B: Tuyến Tam Dị (ĐT295) - Đông Hưng - Quý Sơn - Hồng Giang (ĐT290) dài 26km, điểm đầu Tam Dị, huyện Lục Nam, điểm cuối: Hồng Giang, huyện Lục Ngạn giao với ĐT290. Tuyến qua huyện mới có điểm đầu từ xã Giáp Sơn đi qua thị trấn Phi Điền, điểm cuối tại QL.279 - xã Tân Hoa.

- *Đường huyện:* Giữ nguyên 4 tuyến đường huyện hiện có (ĐH.83, ĐH.84, ĐH.85, ĐH.88) nâng cấp, cải tạo đường tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV miền núi: Đường huyện 83 (ĐH.83): Chũ - Biên Sơn, nâng cấp đường đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi; Đường huyện 84 (ĐH.84): Tân Hoa - Kim Sơn - Biện Động - Đèo Gia, nâng cấp, cải tạo tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV miền núi; Đường huyện 85 (ĐH.85): Tuyến qua xã Hộ Đáp nối ĐT.289C với ĐT.290, nâng cấp cải tạo tuyến đạt tiêu chuẩn cấp III miền núi; Đường huyện 88 (ĐH.88): Lim - Tân Quang - Phú Nhuận, nâng cấp, cải tạo tuyến tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi. Quy hoạch mở mới kết hợp cải tạo, nâng cấp các tuyến đường xã, đường hiện có thành đường huyện: ĐH.88 kéo dài: Tuyến kết nối từ xã Tân Quang qua xã Đồng Cốc kết nối với xã Phú Nhuận tại ĐH.84, quy hoạch tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi; Quy hoạch

tuyến đường nhánh kết từ ĐH.88 kết nối với ĐT.291B quy hoạch tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi; Xây dựng tuyến nhánh đường huyện 84 tại xã Phú Nhuận kết nối với đường tỉnh 291B đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi; Đường huyện mới ĐHQH1 (Tân Mộc – Tân Lập – Đồng Cốc – Phi Điền), quy hoạch mở mới tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi; Đường huyện mới ĐHQH2 (Tân Lập/ĐT.291B – Tân Quang – Giáp Sơn): nâng cấp, cải tạo kết hợp xây mới đoạn tuyến chiều dài khoảng 8,5km đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi; Đường huyện mới ĐHQH3 (Đèo Gia – Đồng Cốc – Tân Hoa): nâng cấp, cải tạo kết hợp xây mới đoạn tuyến chiều dài khoảng 11,5km đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi; Đường huyện mới ĐHQH4 tuyến kết nối từ ĐT.289C tại xã Hộ Đáp kết nối với ĐH tại xã Thanh Hải. Nâng cấp, cải tạo kết hợp xây mới đoạn tuyến chiều dài qua huyện khoảng 8km đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi. Quy hoạch mở mới các tuyến đường liên xã mang tính chất đôi ngoại: Tuyến từ QL.279 qua trung tâm xã Cẩm Sơn – thôn Ao Vương kết nối sang Chi Lăng (Lạng Sơn) đi QL1. Quy hoạch tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp V miền núi; Tuyến Đèo Gia – Yên Định – Phú Nhuận đi Sơn Động, quy hoạch tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp V miền núi.

- *Giao thông nông thôn*: Đường GTNT bao gồm hệ thống đường xã, liên xã (không tính đường thôn, xóm). Mở thêm các tuyến GTNT ở các khu vực có mật độ giao thông thấp, cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có đạt tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Đến năm 2030 đảm bảo 100% GTNT được cứng hóa. Bề rộng mặt cắt ngang đường nội bộ khu dân cư đạt tiêu chuẩn đường GTNT loại A bề rộng $\geq 4m$ và đường phục vụ sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn cấp VI miền núi lòng đường 3,5m, nền đường rộng 6m.

- *Giao thông đô thị*: Đầu tư phát triển, từng bước đồng bộ, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch hệ thống đô thị của tỉnh và quy hoạch các đô thị trong huyện. Đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo quy mô, tính chất đô thị.

b) Công trình phục vụ giao thông:

- *Bến bãi đỗ xe*: *Bến xe liên tỉnh*: quy hoạch 2 bến xe liên tỉnh (bến xe Phi Điền, Tân Sơn): Xây dựng bến xe khách tại thị trấn Phi Điền, diện tích khoảng 02ha, đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên. Xây dựng bến xe khách tại thị trấn Tân Sơn, diện tích khoảng 02ha, đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên. Bến xe Tân Sơn trong tương lai chuyển thành điểm trung chuyển xe kết hợp bãi đỗ xe tỉnh.

- *Bãi đỗ xe*: Quy hoạch 19 bãi đỗ xe, trong đó giai đoạn 2021- 2030 quy hoạch 13 bãi đỗ xe tỉnh (TT Tân Sơn, xã Phong Vân, xã Sơn Hải, xã Biên Sơn, xã Giáp Sơn, xã Kim Sơn, xã Tân Hoa, TT Biện Động, TT Phi Điền, xã Tân Quang, xã Đồng Cốc, xã Phú Nhuận, xã Đèo Gia, xã Tân Mộc), diện tích tối thiểu 01ha. Giai đoạn 2030- 2040, quy hoạch 06 bãi đỗ xe tỉnh (Xã Cẩm Sơn, xã Hộ Đáp, xã Sa Lý, xã Đèo Gia, xã Phong Minh, xã Phong Vân), diện tích tối thiểu 01 ha.

- *Cầu vượt sông*: Xây dựng mới 06 cầu vượt sông Lục Nam trên các tuyến đường huyện quy hoạch mới và cải tạo mở rộng tăng cường khả năng kết nối giữa 2 bên bờ sông Lục Nam và giữa các xã với nhau tạo điều kiện phát triển kinh tế và du lịch.

- Quy hoạch vận tải hành khách công cộng:

+ Tuyến hành khách liên tỉnh: Duy trì tuyến vận tải hành khách liên tỉnh trên tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, QL.31, QL.279. Tuyến Lục Ngạn - Bến xe Nước Ngầm và Lục Ngạn - Gia Lâm.

+ Tuyến hành khách nội tỉnh: Tuân thủ theo Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh về quy hoạch mạng lưới tuyến cố định và bến xe tải hành khách tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Phát triển giao thông công cộng đô thị theo hướng tiên tiến và hiệu quả, hỗ trợ phát triển du lịch, dịch vụ địa phương, kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông công cộng vùng tỉnh...; khuyến khích phát triển giao thông thân thiện môi trường (đi bộ, xe đạp, xe điện...).

7.2. Định hướng quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

a) Định hướng công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai:

- Giai đoạn đến năm 2030: Cải tạo, mở rộng, xây mới, kiên cố hóa hệ thống kênh tiêu nhằm đảm bảo tốt cho việc tiêu thoát nước. Xây dựng mới hệ thống kênh tiêu mới có bề rộng $B=5\div 10(m)$. Thiết lập hành lang bảo vệ kênh, kè gia cố kênh. Nạo vét, nâng cấp các hồ chứa, đập để đảm bảo trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong mùa hạn và công tác phòng chống thiên tai trong mùa mưa. Cải tạo, nâng cấp 2 hồ chứa: Hồ Trại Muối, xã Giáp Sơn và hồ Độc Bấu, xã Biên Sơn. Xây mới 3 hồ chứa: Hồ Cái Cạn, xã Hộ Đáp dung tích chứa 1,0 triệu m³, diện tích tưới 100ha; đập Làng Chả, xã Phong Vân, dung tích chứa 1,1 triệu m³, diện tích tưới 116 ha; hồ Đồng Công, xã Tân Mộc, dung tích chứa 0,37 triệu m³, diện tích tưới 50 ha.

- Giai đoạn 2040: Nâng cấp, sửa chữa 100% các công trình thủy lợi trên địa bàn. Kiên cố hóa 100% các hệ thống kênh mương dẫn nước, nâng cấp các trạm bơm trên địa bàn huyện phục vụ sản xuất đáp ứng nhu cầu tưới cho lúa, rau màu và cây ăn quả.

b) Định hướng cao độ nền:

- Đối với khu vực hiện trạng: Giữ nguyên cao độ nền, chỉ san nền cục bộ. Các khu vực lõi trũng từng bước cải tạo nền, tôn nền đến cao độ không chế tối thiểu hoặc có giải pháp nền móng công trình tránh gây ngập úng.

- Đối với khu vực xây mới: Các khu vực xây mới trên các vùng thấp trũng cần tôn nền tránh ngập úng, ngập lũ, kết nối hài hòa với khu vực hiện có. Các khu vực xây mới trên các khu vực đồi núi: tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình.

- Không chế cao độ nền tại các đô thị như sau: Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Phi Điền: $H_{xdmin} \geq 21,30m$; Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Biên Động: $H_{xdmin} \geq 53,68m$; Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Tân Sơn: $H_{xdmin} \geq 65,50m$; Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Tân Mộc: $H_{xdmin} \geq 17,50m$.

c) Định hướng thoát nước mưa:

Theo địa hình tự nhiên của 19 xã huyện Lục Ngạn phân chia thành 4 lưu vực thoát nước mưa chính như sau:

+ Lưu vực 1: Thoát về sông hồ Cẩm Sơn, thoát ra sông Hóa ở địa phận tỉnh Lạng Sơn, sau đó thoát ra sông Thương (bao gồm các xã: Sơn Hải, Cẩm Sơn, Tân Sơn, Hộ Đáp, Phong Vân).

+ Lưu vực 2: Thoát về sông Cẩm Đàn, sau đó thoát ra sông Lục Nam (bao gồm các xã: Phong Minh, Sa Lý, Phúc Sơn, Kim Sơn, 1 phần xã Biển Động, 1 phần xã Phú Nhuận).

+ Lưu vực 3: Thoát về sông Lục Nam (bao gồm các xã: Tân Lập, Đèo Gia, Phú Nhuận, Biển Động, Đồng Cốc, Tân Hoa, Phì Điền, Tân Quang, Giáp Sơn, Biên Sơn, thôn Khuôn Rẻo - xã Thanh Hải).

+ Lưu vực 4: Thoát về sông Ông Đình, sau đó thoát ra sông Lục Nam (xã Tân Mộc).

7.3. Định hướng cấp nước

a) Nhu cầu cấp nước:

Tổng nhu cầu dùng nước đô thị, nông thôn và công nghiệp:

- Giai đoạn 2023- 2030: 25.000 m³/ngđ.

- Giai đoạn 2031-2040: 40.000 m³/ngày đêm.

b) Định hướng cấp nước liên huyện:

- Tuân thủ Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại quyết định số: 219/QĐ-TTg, ngày 17/02/2022;\

- Xây mới nhà máy nước Cẩm Sơn công suất đến năm 2030: 100.000 m³/ngđ (theo quy hoạch tỉnh Bắc Giang), dự kiến đến năm 2040: 200.000 m³/ngđ, khai thác nguồn nước thô từ hồ Cẩm Sơn.

c) Định hướng cấp nước đô thị và nông thôn:

- Xây mới hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Biển Động -Phú Nhuận - Kim Sơn - Tân Hoa công suất đến năm 2030: 6.000 m³/ngđ, đến năm 2040: 9.000 m³/ngđ, vị trí đặt tại xã Biển Động, nguồn nước thô lấy từ sông Cẩm Đàn. Bổ sung thêm nguồn nước sạch từ nhà máy nước Cẩm Sơn;

- Xây mới hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Đồng Cốc, Phì Điền, Giáp Sơn, Tân Quang công suất đến năm 2030: 7.000 m³/ngđ, đến năm 2040: 12.000 m³/ngđ, khai thác nguồn nước thô sông Lục Nam. Bổ sung thêm nguồn nước sạch từ nhà máy nước Cẩm Sơn về;

- Xây mới hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Tân Mộc, Tân Lập công suất đến năm 2030: 3.500 m³/ngđ, đến năm 2040: 6.000 m³/ngđ, khai thác nguồn nước thô sông Lục Nam;

- Xây mới hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Tân Sơn và Cẩm Sơn công suất đến năm 2030: 3.000 m³/ngđ, đến năm 2040: 5.000 m³/ngđ, khai thác nguồn nước thô từ hồ Cẩm Sơn, vị trí nhà máy đặt ở xã Tân Sơn;

- Xây mới Hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Hộ Đáp và Sơn Hải, Biên Sơn công suất đến năm 2030: 3.000 m³/ngđ, đến năm 2040: 5.000 m³/ngđ, khai thác nguồn nước thô từ hồ Cẩm Sơn, vị trí nhà máy nước đặt tại xã Hộ Đáp;

- Cải tạo nâng công suất hệ thống cấp nước liên xã Phong Vân, Phong Minh đến năm 2030: 2.000 m³/ngđ, đến năm 2040: 2.500 m³/ngđ, khai thác nguồn nước thô từ hồ Cẩm Sơn, vị trí nhà máy nước đặt tại xã Phong Vân;

- Xây mới hệ thống cấp nước sạch xã Sa Lý công suất đến năm 2030: 600 m³/ngđ, đến năm 2040: 800 m³/ngđ, khai thác nguồn nước suối;

- Duy trì công trình cấp nước SHTT thôn Hòa Trong, xã Tân Lập công suất hiện có: 400 m³/ngđ, công trình cấp nước SHTT thôn Đèo Gia - Cống Luộc, xã Đèo Gia công suất hiện có: 370 m³/ngđ, nguồn nước tự chảy;

- Dự kiến đến năm 2024 ngừng hoạt động 19 công trình cấp nước ở các xã với tổng công suất hiện có: 1.822 m³/ngđ, vì các công trình cấp nước tập trung này hoạt động kém hiệu quả và sử dụng nguồn nước tự chảy bị hạn chế để thay thế bằng mạng lưới đường ống cấp nước mới lấy nước sạch từ các hệ thống cấp nước tập trung liên xã cấp về.

d) Cấp nước cho các cụm công nghiệp:

- Tổng nhu cầu cấp nước (lấy tròn) đến năm 2040 là: 4.000 m³/ngđ.

- 07 cụm và điểm công nghiệp trên địa bàn huyện Lục Ngạn, dự kiến sẽ được cung cấp nước sạch từ các trạm cấp nước tập trung liên xã sử dụng nguồn nước sông Lục Nam, sông Cẩm Đàn, hồ Cẩm Sơn và nước suối.

7.4. Định hướng cấp điện

- Tổng nhu cầu dùng điện của khu vực nghiên cứu đến năm 2040 là 155.66MW, tương đương 173MVA.

- Nguồn điện: Theo quy hoạch Tổng sơ đồ phát triển điện lực Quốc gia (TSD), trên địa bàn huyện giai đoạn sau năm 2025 quy hoạch trạm 220kV Chũ, quy mô công suất 2x125MVA; giai đoạn 2026-2030 đóng điện 1 máy biến áp 1x125MVA, giai đoạn 2031-2035 lắp máy biến áp số 2 công suất 125MVA. Xây dựng mới 2 trạm biến áp 110kV Lục Ngạn 3 và 110kV Chũ với công suất mỗi trạm đạt 2x40MVA. Nâng cấp trạm 110kV Lục Ngạn 2 lên 2x40MVA. Ngoài ra giai đoạn 2030-2040, đề xuất xây dựng thêm trạm biến áp tại Tân Sơn công suất 2x25MVA. Giai đoạn đến 2035 có thể chỉ lắp 1 máy 1x25MVA, trạm 110kV Tân Sơn sẽ rút ngắn bán kính phục vụ lưới điện trung áp, chủ động cấp điện ổn định cho toàn vùng phía Bắc Huyện.

- Lưới trung áp 35kV: Lưới trung áp tại các đô thị sẽ từng bước cải tạo về cấp điện áp 22kV phù hợp với mật độ phụ tải và đảm bảo tiêu chuẩn của ngành điện. Các khu đô thị đã ổn định, về Quy hoạch lưới điện phải được ngầm hóa để đảm bảo cảnh quan đô thị, tránh đầu tư nhiều lần. Để thuận tiện trong vận hành, lắp đặt, sửa chữa đường cáp ngầm nên bố trí trong hào cáp kỹ thuật chung. Tiết diện các tuyến trục sử dụng cáp bọc XLPE - 185 cho đường dây nổi trong các

khu công nghiệp và vùng ngoại thị, cáp ngầm chống thấm dọc XLPE -240 cho các khu nội thị.

- Trạm hạ áp 35/0,4kV: Sửa chữa, cải tạo thay thế dần các trạm biến áp không đủ tiêu chuẩn vận hành. Các trạm biến áp xây dựng mới dùng loại trạm 35/0,4kV. Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực bố trí các trạm lưới 35/0,4kV cho phù hợp với công suất yêu cầu. Bán kính phục vụ các trạm hạ áp không quá 400m. Các trạm 35/0,4kV dùng trạm kios đảm bảo mỹ quan đô thị, có thể sử dụng trạm treo ở các khu vực nông thôn. Trạm 35/0,4kV mới có công suất từ 100kVA đến 630kVA cho sinh hoạt công cộng, khu vực công nghiệp sẽ tùy nhu cầu cụ thể (gợi ý sử dụng gam máy 750,1000kVA).

7.5. Định hướng thông tin liên lạc

- Chỉ tiêu dự kiến cho thuê bao điện thoại (cố định và di động) đạt 130/100 dân, như vậy nhu cầu toàn bộ vùng huyện khoảng 230.000 thuê bao.

- Sử dụng các tuyến cáp quang từ trạm chuyển mạch mới. Tuyến cáp quang này sử dụng loại FLX-600A (Quang), hạ ngầm trên vỉa hè, độ sâu trong hào cáp, khoảng cách đến chân các công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành TC30-05-2002.

- Mạng ngoại vi: Xây dựng hệ thống công bể theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng công bể để phát triển dịch vụ. Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống vỉa hè, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể trôn trực tiếp ống nhựa xuống mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị. Đảm bảo đến 2035 đạt trên 75% tỷ lệ ngầm hóa và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác nhằm tiết kiệm chi phí khi thi công. Các công bể cáp và nắp bể đã được chuẩn hóa về kích thước cũng như kiểu dáng, theo quy chuẩn của ngành. Cáp trong mạng nội bộ của khu vực thiết kế chủ yếu sử dụng loại cáp công có dầu chống ẩm đi trong ống bể PVC (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5mm. Các tủ, hộp cáp dùng loại vỏ nội phiến ngoại, bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý sau này.

- Mạng di động: Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, sử dụng công nghệ mới kiểu dáng hình cây, cột đèn... đặt dọc theo trục đường, nhằm đảm bảo mỹ quan và nâng cao tính ổn định thông tin di động trong khu đô thị.

- Mạng internet: Mạng internet khu vực này sử dụng băng thông rộng, sẽ được phát triển theo phương thức qua mạng nội hạt. Cụ thể là xây dựng các đường DSLAM từ Host Lọc Ngạn đến đây, đảm bảo cho khoảng 3.000 thuê bao được kết nối internet băng thông rộng. Đặc biệt khu vực dịch vụ này cần khai thác các điểm truy cập internet công cộng, với mỗi khu dịch vụ có một điểm truy cập.

- Mạng internet: Mật độ internet băng rộng cố định đạt 25 thuê bao/100 dân; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng. Internet đạt 75%. Nhu cầu internet khoảng 40.000 thuê bao. Mạng internet khu vực này sử dụng băng thông rộng, sẽ được phát triển theo phương thức qua mạng nội hạt. Đặc biệt khu vực dịch vụ này cần

khai thác các điểm truy cập internet công cộng, với mỗi khu dịch vụ có một điểm truy cập.

- Bưu chính: Toàn huyện Lục Ngạn có 2 đại lý dịch vụ bưu chính (Bưu điện huyện, Viettel). Hệ thống bưu chính công cộng đã phủ khắp các xã thị trấn cơ bản đáp ứng được nhu cầu dịch vụ bưu chính trong huyện. Tiếp tục cải tạo xây dựng Bưu điện Văn hóa cấp xã, đô thị. Mở rộng mạng lưới điểm phục vụ bằng các đại lý bưu điện, đại lý đa dịch vụ và kiốt tại các điểm dân cư.

7.6. Định hướng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

a) Thu gom và xử lý nước thải:

- Các đô thị, khu công nghiệp: Thị trấn Phi Điền: Xây dựng các trạm xử lý có tổng công suất 2020 m³/ ngày; Thị trấn Biển Động: Xây dựng các trạm xử lý có tổng công suất 2000 m³/ ngày; thị trấn Tân Mộc: Xây dựng các trạm xử lý có tổng công suất 1500 m³/ ngày; thị trấn Tân Sơn: Xây dựng các trạm xử lý có tổng công suất 1800 m³/ ngày; các khu/cụm công nghiệp trong huyện dự kiến quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, có các trạm xử lý nước thải.

- Các cụm dân cư nông thôn: Các khu dân cư nông thôn: Quy hoạch hệ thống thoát nước chung. Nước thải được xử lý qua bể tự hoại xây dựng đúng quy cách, sau đó xả vào hệ thống thoát nước, dẫn ra ao hồ để làm sạch tự nhiên hoặc tưới ruộng. Các khu dân cư sống phân tán: Xây dựng các nhà xí hợp vệ sinh (xí tự hoại, xí hai ngăn, xí thấm...) cho các hộ dân.

b) Thu gom và quản lý chất thải rắn:

- Cấp huyện: Tiếp tục sử dụng Nhà máy xử lý CTR sinh hoạt (không chôn lấp) bằng công nghệ TTD-01 tại thôn Cai Lẻ, xã Kiên Thành có công suất 100 tấn/ ngày. Ngoài ra sẽ dự kiến quy hoạch xây dựng mới 02 nhà máy xử lý CTR: Nhà máy tại xã Kim Sơn có diện tích khoảng 10 ha (cho khu vực phía Nam); Nhà máy tại xã Phong Minh có diện tích khoảng 10 ha (cho khu vực phía Bắc).

- Cấp xã: Quy hoạch, mở rộng mỗi xã 1 cơ sở xử lý chất thải rắn có diện tích khoảng 3 ha.

- Đối với CTR công nghiệp: Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có điểm lưu giữ CTR công nghiệp và xử lý sơ bộ theo quy định về quản lý CTR công nghiệp. Việc xử lý triệt để CTR sản xuất sẽ được thực hiện theo quy định.

- Chất thải rắn Y tế: Giai đoạn đầu: Tiếp tục xử lý CTR y tế bằng lò đốt; Giai đoạn sau: Đầu tư xây dựng cụm công trình hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tại trung tâm y tế huyện và vận chuyển về cụm xử lý tập trung.

- Chất thải rắn sẽ được phân loại tại nguồn thành các loại: Vô cơ, hữu cơ, nguy hại... Tại các xã trong huyện, xây dựng các cơ sở xử lý CTR theo quy hoạch nông thôn mới đã được duyệt để xử lý CTR sinh hoạt, không nguy hại.

c) Quản lý nghĩa trang:

- Đối với nghĩa trang hiện có: Đối với các nghĩa trang hiện có, sẽ tiến hành lập quy hoạch xây dựng lại đảm bảo đúng các quy định, quy phạm hiện hành về chỉ tiêu đất nghĩa trang, vệ sinh môi trường, hạ tầng kỹ thuật. Đầu tư

xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong nghĩa trang đồng bộ, từng bước áp dụng các công nghệ tăng hiện đại.

- Đối với nghĩa trang quy hoạch mới và mở rộng:

+ Cấp huyện: Quy hoạch 02 công viên nghĩa trang mới: Nghĩa trang tại xã Kim Sơn với quy mô 15-20 ha (cho khu vực phía Nam); Nghĩa trang tại Tân Sơn với quy mô 15-20 ha (cho khu vực phía Bắc).

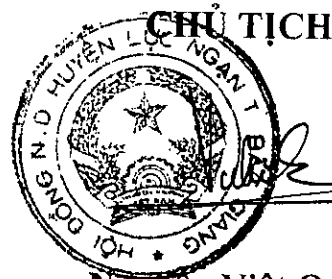
+ Cấp xã: Quy hoạch mỗi xã 01 khu nghĩa trang tập trung diện tích tối thiểu 5ha. Từng bước đóng cửa, di dời các nghĩa trang hiện tại, trước hết tập trung di dời tại các khu vực gần khu đô thị, khu dân cư.

Điều 2. Giao UBND huyện hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Nghị quyết này được HĐND huyện Lục Ngạn Khóa XX, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 23 tháng 3 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, Lãnh đạo UBND tỉnh;
- VP ĐDBQH&HĐND, VP UBND tỉnh;
- TT HU, TT HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Các cơ quan, ban, ngành của huyện;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- ĐU, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT, HS.



Nguyễn Việt Oanh